

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 01 – 2025

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T X N, sinh năm 1988 (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, ấp 02, xã A K, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh P V T, sinh năm 1987 (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, ấp 02, xã A K, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị N T X N vắng mặt tuy nhiên quán trình giải quyết chị N trình bày:

Chị N T X N và anh P V T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2015, quyền số 02/2015 ngày 08/10/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên N yêu cầu ly hôn với anh P V T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 và P N V, sinh ngày: 07/3/2020. Nay ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung cháu N và cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N T X N yêu cầu anh P V T cấp dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tổng 3.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh P V T vắng mặt tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày tại bản tự khai ngày 03/12/2024:

Anh T trình bày thống nhất với chị N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống vợ chồng có một số lần anh T đi chơi về khuya nên chị N không chấp nhận nên nộp đơn ly hôn, anh T cho rằng anh vẫn còn thương yêu vợ con nhưng nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh T đồng ý theo yêu cầu chị N.

Về con chung: Thống nhất lời khai của chị N về con chung. Khi ly hôn anh T đồng ý giao 02 con chung cháu P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 và P N V, sinh ngày: 07/3/2020 cho chị N T X N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/01 người con cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét hai đương sự cùng thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị N và anh T. Con chung: giao 02 con chung P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 và P N V, sinh ngày: 07/3/2020 cho chị N nuôi dưỡng. Cấp dưỡng: Anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị N T X N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh P V T có nơi cư trú tại xã An Khương, huyện Hớn Quản, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chị N T X N và anh P V T cùng có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả hai đương sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình.

Chị N và anh T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh T có một số lần đi chơi về khuya nên chị N không chấp nhận dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N cương quyết yêu cầu ly hôn anh T. Anh T đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 và P N V, sinh ngày: 07/3/2020. Nay ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung cháu N và cháu V. Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng và nguyện vọng của con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị N. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P V T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cháu P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 mỗi tháng 1.500.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con chung P N V, sinh ngày: 07/3/2020 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Án phí: Nguyên đơn N T X N chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh P V T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N T X N được ly hôn với anh P V T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2015, quyển số 02/2015 ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước).

2. Về Con chung: Giao 02 con chung P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 và P N V, sinh ngày: 07/3/2020 cho chị N T X N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P V T cấp dưỡng nuôi con chung cháu P N B N, sinh ngày: 21/3/2017 hàng tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng nuôi con chung P N V, sinh ngày: 07/3/2020 hàng tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2025.

3. Về án phí: Chị N T X N chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu số 0005507 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Anh P V T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thuyên